



Khái luận tổng quát về chữ
TRÍ TRUNG HÒA
致 中 和

DÀN BÀI

I- DẪN NHẬP

II- CHÁNH ĐỀ

A- Luận về thuật ngữ

- 1- Chữ Trí
- 2- Chữ Trung
- 3- Chữ Hòa

B- Lý đạo của Trí Trung Hòa

- 1- Lý luận chung
- 2- Trí Trung Hoà là cội sanh của tánh mạng song tu.
 - * *Lý luận chung*
 - * *Luận về lý đạo*
 - * *Luận về tu thân*
- 3- Trí Trung Hòa soi sáng con đường phản bản hườn nguyên.
 - * *Lý luận chung*
 - * *Luận về lý đạo*
 - * *Luận về tu thân*

III- TẠM KẾT

*Kính thưa quý vị Đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Tôn giáo Thành phố,
Kính thưa quý vị Đại diện chính quyền ban ngành các cấp,
Kính thưa chư vị Đại diện các Tôn giáo bạn,
Kính thưa Ông Tổng Lý và quý thiên ân chức sắc
Kính thưa quý Đạo hữu, Đạo tâm Nam Nữ,*

Hôm nay là lễ kỷ niệm năm thứ 93 ngày Minh Lý Đạo khai (27/11 Giáp Tý - 27/11 Ất Mùi). Theo truyền thống, Hội Thánh Minh Lý Đạo có bài nói chuyện về Đạo học. Chúng tôi xin cảm ơn tất cả Quý vị Quan khách đã dành thời giờ quý báu quang lâm tham dự ngày lễ kỷ niệm và buổi nói chuyện hôm nay.

I- DẪN NHẬP

Kính thưa quý vị,

Thừa ủy nhiệm của Hội Đồng Hội Thánh Minh Lý Đạo, chúng tôi xin trình bày đề tài: **Khái luận tổng quát về chữ TRÍ TRUNG HÒA.**

Đức Bác Nhã Thiên Sư có dạy môn sanh Minh Lý:

*“ . . . **Trung Hòa** là gốc lớn của Đạo. Nên khuyên đạo hữu không vào được thể Trung thì phải giữ được thể Hòa. Hòa là chánh niệm. Trung là vô niệm. Tu khi nào trực nhập với hai môn đó cũng gọi là thành đạo rồi.*

Nên lưu ý ba chữ: TRÍ – TRUNG – HÒA ở dưới giảng đường.”

Nếu luận cho đầy đủ về chữ **Trí Trung Hòa** thì thật là bao la, cao sâu, rất khó mà nói ra đầy đủ ý. Trong khuôn khổ của buổi nói chuyện hôm nay, chúng tôi xin được nêu sự hiểu biết thô thiển của mình một cách khái quát về chữ **Trí Trung Hòa** nói trên về mặt lý đạo qua việc tu học và kết tập các lời giảng dạy của Ngài cố Định pháp – Tổng lý Minh Thiện và các Đấng Thiêng Liêng.

Lần lượt, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày ý nghĩa của ba chữ trên và mong quý vị chỉ giáo cho sự nhận thức còn nhiều hạn hẹp và thiếu sót.

Vậy chữ **Trí Trung Hòa** này có ý nghĩa như thế nào?



II- CHÁNH ĐỀ

A- Luận về thuật ngữ

Về mặt từ ngữ phổ thông thì mỗi chúng ta đều biết:

- Chữ Trí 致 có nghĩa suy đến cùng cực, hết lòng, hết sức, ...;
- Chữ Trung 中 là ngay thẳng, không nghiêng ngã, chênh lệch, ...;
- Chữ Hòa 和 là thuận thảo với nhau, vui hiệp cùng nhau,

1- Chữ **Trí** ở đây có nghĩa là hiểu biết, sáng suốt, nói cho đủ chữ là Trí huệ, là Huệ mạng, là công dụng của Tánh giác Diệu-minh hay là của Chơn tâm. Cho nên Tánh giác Diệu-minh cũng gọi là Trí “*Bổn giác*” hay là Lý. Còn cái Trí mới bắt đầu giác ngộ thì gọi là Trí “*Thỉ giác*”. Thỉ giác và Bổn giác vốn đồng có một bản thể, chớ chẳng phải ngoài Bổn-giác ra mà riêng có Thỉ giác. Thỉ giác là Bác nhả dường như mới phát được một phần mà thôi. Còn Bổn giác là Bác nhả căn bản, vốn tự nhiên hoàn toàn sáng suốt.

Sự tu hành thì cũng giống như thế, nhưng một khi đã thành công, là Thỉ giác hoàn hiệp với Bổn giác làm một, thì gọi là “*Lý trí nhưt như*”, nghĩa là Lý và Trí có một *tánh Chơn-như* mà thôi. Mà Chơn như là **Tánh giác Diệu minh**.

Ngày nào trí Thỉ giác và trí Bổn giác bằng nhau, thì gọi là Lý và Trí có một, tức là thành Phật vậy. Cho nên Trí huệ cũng gọi là Phật tánh, tức là: cái tánh khả năng thành Phật.

2- Chữ **Trung** nếu luận về tánh, nghĩa là: chẳng nghiêng ngã chênh lệch, tức là chữ Trung chưa phát công dụng. Nếu luận về sự, nghĩa là: chẳng thái quá (quá hơn) hay là bất cập (quá kém), tức là chữ Trung đã phát công dụng. Nó cũng chẳng phải thứ Trung lấy nghĩa trong đối với ngoài, không chỗ, không hướng, không định ngôi, v.v. . .

Chữ *Trung* nêu ở đây là chỉ Trung đạo, là đạo *Nhứt quán*. *Nhứt* nghĩa là có một. *Quán* nghĩa là xuyên qua tất cả. Ý nói: Đạo nhứt quán chỉ có một, mà quán thông tất cả sự lý trong trời đất, Nhơn đạo và thiên đạo, không sót một việc nào. Chữ Trung này không chênh không lệch, không trước không sau, không trái không mặt, không đầu không đuôi, chẳng phải có, chẳng phải không có, chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, trống mà tròn, không độ lường được, không dạng bóng mà hay làm chủ muôn dạng bóng, không có hình mà hay tạo hóa vật có hình, sanh Trời, sanh Đất, sanh Người vật.

Thế thì Trung cũng là Đạo, Đạo cũng là Trung. Cho nên thầy Châu tử nói: “*Trung tức Đạo dã*”. Lại nói: “*Đạo vô bất trung, cố dĩ trung hình đạo*”. Nghĩa là: trong đạo không có gì chẳng phải Trung, cho nên lấy chữ Trung để tượng hình cái Đạo.

3- Chữ **Hòa** nghĩa là: hòa hiệp, hòa đồng, thuận thảo với nhau, vui hiệp cùng nhau. Trái với Hòa là lòng chia rẽ, chống báng công kích lẫn nhau.

Về mặt Đạo mà nói: “*Trung là thể của Hòa, Hòa là ngôi Hoàng Cực. Hoàng Cực là tổng hợp của hai thể âm dương*” (Đạo Học Chỉ Nam).

Sách Đạo Học Chỉ Nam dạy: “*Có thể nói Trung cũng là Đạo, cũng là Thần, cũng là Vô Cực, cũng là Chơn Tâm . . . muốn đạt lý ấy phải chứng cho được động cơ Tạo Hóa là ngôi Thái Cực và hai thể âm dương*”.

Về mặt tu thân mà nói: hiệp mà muốn hòa cũng có điều kiện, cũng có mức Trung, nên cũng phải có phương pháp, chớ không phải nói hiệp suông mà Hòa được. Để có Hòa thì cần phải lập một đời sống mới theo lẽ Chánh đạo, ai tập liền chưa được thì phải tập lần hồi. Cái tánh tình của ta có bây giờ đâu phải

là tánh Thiên phú tự nhiên, mà đều do sự tập quán nhiều ngày mà thành. Ai có chí dũng mãnh thì nên tập lần lần, bỏ thói quen cũ không tốt, thì cũng có thể trở lại tánh lành xưa. Nhà Phật gọi phép tu này là *huân tập*, lấy điều lành mà xông ướp vô minh cho điều dữ tiêu tan, nên cũng gọi là *tu chỉ quán*. (Chỉ là dứt điều ác, ngăn đường tà, lần lần trừ dẹp trước nhiệm. *Quán* là thăm xét muôn việc đều giả, chỉ có bốn thể nguyên lý là chơn, lần lần nuôi lớn tịnh duyên, giác tâm phát lộ, thì làm sao mà không hòa.)

Sách Đạo Học Chí Nam dạy: “*Hiệp hòa không phải là buông thả con người vào đám đông để mặc cho sóng đời trôi dạt. Hiệp hòa không phải chỉ một điều tiêu cực, là theo thiên hạ và chạy đua cùng thiên hạ. Hiệp hòa cùng tha thơn, mà không thực thi lấy cái mục đích đã định, thì sự hiệp hòa chẳng đúng với chính danh của nó. Hiệp hòa là phương tiện hữu hiệu, đối với tất cả cá nhân muốn đi đến một xã hội an bình, một thế giới tiến hóa trong tương ái, tương thân*”.

Mỗi người tuy có tâm tánh khác nhau, mà luật tự nhiên vẫn đồng có một. Nếu ai cứ giữ theo cái nhip nhàng tự nhiên đó mà hành động, thì tâm tánh ta sao lại không hòa với nhau?

Cái bản tánh tự nhiên nói đây tức là *lượng tâm, lý tánh*. Hễ nó đặng hợp với một sự lý nào thì ta có thể khuếch trương nó mãi mãi đến cực điểm. Cái tánh này chẳng phải là tánh thiên kiến (thấy có một mặt, một góc mà thôi), chẳng phải là lòng tư dục (muốn trái lẽ tự nhiên) như nhiều người tưởng lầm, nên đề xướng cái thuyết để mỗi người tự do theo ý muốn riêng của mình mà hành động. Nó chính là *cái tánh rung động điều hòa với lý tự nhiên của Trời*.



Kính thưa quý vị,

Để hiểu về mặt lý đạo thì không thể tách rời từng chữ để luận, mà cần phải suy luận để tìm được cái ý nghĩa sâu xa, nên chúng tôi xin trình bày phần tiếp theo là:

B- Lý đạo của Trí Trung Hòa

1- Lý luận chung

Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy:

“ . . . *Trung, là Vô cực chi nguyên, Nhứt là Thái cực chi đạo.*

Trung, là cái “Lý” hoàn toàn, gọi là Thiên lý, Địa lý.

Lý tánh là vật lý, cái Lý làm chủ tất cả. Lý thì hồn nhiên, còn Khí thì biến động. Nguyên nó từ trong Dịch đạo: Vô cực là Lý, Thái cực là Khí.

Khí với Thần kết hợp mà có ra Càn Khôn thế giới, chúng sanh, gọi là Thần hóa. Thần là Thái cực, Hóa là âm dương. Hóa mới sanh ra Tứ tượng. Tứ tượng mới hiện thành Bát quái. Bát quái biến chuyển vô cùng.

Nên Trung là tự tánh vô vật, vô hình. Khi đã hình ra là Tượng.

*Tượng khế hợp với bốn mùa, không sai siển gọi là **Hòa**”*

Sách Trung Dung dạy: “**Trí trung hòa, thiên địa vị diên, vạn vật dục diên**”. Nghĩa là: thực hiện đến cực điểm hai chữ Trung Hòa, thì trời đất yên ngôi, muôn vật thỏa sống.

Có người giải thích sai lầm câu này khi chia chữ kép "trung hòa" ra làm hai phần riêng biệt, nên nói: trí trung, trí hòa.

Ngài Minh Thiện giảng:

“*Đoạn câu trên có nghĩa là: “dùng chữ **trung** tột độ phát ra cho nhằm lẽ, thì gọi là **hòa**”. Đó mới là nghĩa chánh xác của đoạn câu “**trí trung hòa**”, nói đủ chữ là : “**trí trung u hòa**”. Cho nên hai chữ “**trí trung**”, gần như chữ “**dụng trung**” nghĩa là : dùng chữ trung đó (vô hình), mà thiết hiện ra đặng hòa (thấy trong việc làm), thì trời đất yên ngôi, muôn vật thỏa sống, đều là cái hiệu quả của dụng trung cả. Cái đại bản là gốc lớn đã lập rồi, thì cái “**đạt đạo**” (đường đi chung kia) mới là thông suốt được.”*

Theo thường luận, tâm của chúng ta vừa hư linh (trống không và sáng suốt), vừa tri giác (hay biết bởi giác quan), mà hư linh và tri giác chỉ có một thể, một tâm mà thôi, không phải riêng biệt hẳn là hai vật. Nhưng khi cái thể, cái tâm này hành động thiếu Chơn lý thì gọi là Vọng tâm. Còn lúc nó hành động đúng với Chơn lý, thì gọi là Lý Tánh. Cho nên tu học cho cái Vọng Tâm thiếu sót kia đặng theo đúng lý, thì Vọng tâm tức là Lý Tánh. Lý Tánh mà còn mắc kẹt trong tình dục, trong khí bầm, v.v... thì gọi là Vọng tâm. Tâm hư linh ấy Lão giáo gọi là Đạo Tâm, là Cốc Thần; Nho giáo gọi là Thái Cực, là Thiên Tâm; Phật giáo gọi là Chân Như Phật Tánh, gốc nơi tánh mạng, thuộc về phần chánh. Còn tâm tri giác là những cảm giác của xác thân với tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý và những tình cảm của phàm tâm là thất tình (*Hỉ, nộ, ai, cụ, lạc, ái, ó*) gọi là nhơn tâm, gốc ở giác quan, thuộc về phần tà. Nếu ta không biết lấy đạo tâm mà kèm chế nhơn tâm, thì rắc rối càng thêm rắc rối mãi. Chơn lý là phần công sẽ bị vùi lấp trong nhơn dục là phần tư.

Vì có đó, mà khi động, khi tịnh, khi nói, khi làm, chúng ta phải chịu lầm sai, mới có chỗ thái quá và bất cập. Cho nên phải cần giải phá chỗ sai lầm đó, mà lần lần qui về Trung đạo, nghĩa là theo đúng đạo tâm, mà Nho giáo gọi: “*Chấp trung*”, Đạo giáo gọi: “*Thủ trung*”, Thích giáo gọi: “*Hư trung*”; Trung là tâm pháp của Thánh nhơn trong Tam giáo, để tu tánh mạng mới thành Đại Đạo.

Về mặt tu thân mà nói, mỗi người chúng ta muốn trở nên thánh thiện, không nhờ một tha lực nào mà phải tự nơi chúng ta giác ngộ cõi trời mọi triền phược phiền não bằng cách hành trì Bồ tát đạo, tu chỉ quán, v.v. . . hầu có được chánh niệm. Tâm không đắm nhiễm, tâm không tham cầu, tâm không riêng cho thân cho nhà, mà phải có lượng lớn bao dung để hành trì pháp đạo "Đại thừa đốn nhập Không môn". Muốn đạt được việc trên Đức Bác Nhã Thiên Sư có dạy: “*Chỉ hai việc phải làm là: “**thấy Tánh**” và “**Vô niệm**”. Cái quan yếu của Đại thừa đốn pháp không chi lạ là “**thấy Tánh**”. Mà muốn thấy được Tánh thì chỉ có tu Vô niệm.*”

Vô niệm là không nghĩ, không nghĩ mà nghĩ. Không nghĩ là không nghĩ dưới áp lực của quá khứ theo chỉ thị của lý trí, của bản ngã. Còn nghĩ là tự nhiên mà nghĩ, không cố ý, không dụng công, tự nhiên như chim bay cá lội. Đó là trí Bát Nhã, không vô tâm hữu tâm, không chủ quan khách quan, mà tùy cảm ứng, một cách hồn nhiên.

Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy: “*Chánh niệm là niệm của tự tánh thanh tịnh tâm, không phải niệm của thức duyên trần lậu.*”

Vô niệm là niệm vô vi, nghĩa là niệm niệm tự nhiên từ đáy lòng phát ra, không bởi tạp căn trần lậu, nói vô vi thì rõ ràng hơn, là làm mà không thấy làm, như : mặt trời soi là niệm, soi ấy tự ở căn tâm thanh tịnh của mặt trời.”

Với các lời dạy trên nêu trên, chúng ta có thể luận được một phần nào lý đạo của chữ TRÍ TRUNG HOÀ như sau:

2- Trí Trung Hoà là cội sanh của tánh mạng song tu.

Đức Hưng Đạo Đại Vương giải thích tánh mạng như sau: “... *Mỗi vật, trước Trời ban cho nó một cái lý vô hình để làm Tánh. Rồi ban cho nó một khí chất hữu hình để cho nó một cái Mạng. Vui với cái Tánh, thuận với cái Mạng, vật nào cũng giữ được cái Nguyên Khí của Trời đã phú mà “chánh” lấy Tánh Mạng (Các Chánh Tánh Mạng).*” (Soán truyện quẻ Kiên)

Đạo tu thân không ra ngoài hai chữ tánh mạng. Người muốn tận tánh lập mạng, thì trước phải tồn tâm dưỡng tánh, bảo mạng toàn hình, hầu để tu nó, luyện nó, tích nó, lũy nó (nó là bản tánh), thì bản tánh thường được viên mãn, thiên mạng ở với ta vậy.

Nhưng muốn tận tánh, trước tiên phải biết tánh. Biết được căn bản của Nhơn sanh là thiên lý, chẳng tạp xen Nhơn dục, gọi là trí huệ. Cứ ngăn dục gìn lý, giờ giờ xét nét, khắc khắc phòng ngừa, khiến cho tư dục dứt sạch, thiên lý lưu hành, thấy rõ bản lai diện mục (bộ mặt thật lúc ban sơ), tinh táo chẳng mê muội, luôn luôn giác ngộ sáng chói, tức là Viên minh Diệu giác.

Chúng ta đều biết cái nguồn gốc sanh ra Trời Đất vạn vật là cái *thể* không *thể*, cái *tượng* không *tượng* mà các bậc Giáo Tổ đã chứng đến chỗ sâu kín nhiệm màu của thể ấy gọi là **Trung**. Trung là thể bình hành bao quát tràn đầy trong vũ trụ. Nó lặng lẽ, không tiếng, không hơi. Trung dung nói rằng : “*Thể Trung vắng lặng, còn tiềm tàng, thất tình chưa phát hiện, nó là cái gốc lớn của thiên hạ. Trời Đất vạn hữu nhờ đó mà đứng vững, tươi sống, có đủ tính thường.*”

Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy: “. . . *Thể Trung là gốc lớn của thiên hạ, thể Hòa là đường lối của thiên hạ. Trung Hòa là tâm tánh của người. Người sẵn có hạt giống trung hòa, nên người mới linh hơn vật. Người mới đạt đến phẩm vị cao trọng quyền làm chủ trọn tự do, lên làm thánh vương, chứng đến hàng Tiên chơn, Phật quả, suốt thông tam giới, nắm trọn cơ bí mật của Đất Trời.*”

* Về mặt lý đạo mà nói: Mừng, giận, buồn, vui thuộc về tình. Khi tình chưa phát hiện thì gọi là tánh. Tánh là thể, tình là dụng.

Chưa ngã ngũ theo bên nào thì gọi là *Trung*. *Trung* là tình chưa phát hiện, chưa phân phối, chỉ có một mối, gọi là *Nhứt tâm*, là *tánh*. Còn tình phát hiện, có khi trúng lẽ, có khi không trúng lẽ. Tình phát hiện trúng lẽ mới gọi là *Hòa*.

Vậy cái *tánh* còn ở trong thời kỳ “*Trung*”, không có mừng, giận, buồn vui đối với một ai, thì có gì mà gọi là lành, là dữ, nên gọi là: *thiện tuyệt đối*. Chùng tâm động niệm phát ra thất tình, lục dục, mới chia ra hai phần: Hễ trúng lẽ, thích ứng là lành, bằng không trúng lẽ, trái vạy là dữ.


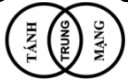
Gọi *Trung* là cái gốc lớn. Cái gốc lớn này là chỉ cái “*tánh Thiên mạng*” (tánh Trời ban phú). Tại sao mà gọi là gốc lớn? Vì các lý trong thiên hạ đều từ trong chỗ đó mà phát xuất. Chỗ đó tức là cái *thể của Đạo*.

Gọi *Hòa* là con đường của thiên hạ. Con đường này là chỉ câu “*noi theo tánh*”. Tại sao mà gọi là đường của thiên hạ? Vì xưa nay thiên hạ, chẳng một ai, không noi theo con đường đó. Đường đó tức là cái *dụng của Đạo*.

Người với người giao thiệp cùng nhau, khi tình chưa phát hiện, thì vẫn là *Trung*. Nhưng tình không lẽ chẳng phát hiện, mà phát hiện vào mỗi trường hợp đặng chánh đặng, thì gọi là *hòa*. Đã *hòa* tất nhiên sẽ đặng yên ổn, vui vẻ, thì còn có trở ngại nào mà không đặng thông suốt. Cho nên nói rằng: “*Hòa là con đường suốt, chung cho cả thiên hạ*”. *Hòa* cũng là *dung* (dụng), mà *dung* (庸) phát ra trúng tiết mới gọi là *hòa*, bằng không trúng tiết thì đâu phải là *hòa*.

Chỉ có hai chữ *Trung* và *Hòa*, mà các công việc, từ một cá nhân đến cả thế giới, tất cả đều qui nạp vào trong hai chữ đó cả. Nếu ai ai cũng hành đúng theo chánh nghĩa của hai chữ *Trung Hòa*, thì cái hiệu quả sẽ thấy “*phổ bác như thiên, uyên tuyên như uyên*”, nghĩa là: rộng khắp như trời, thăm sâu như vực, ghi trong sách *Trung Dung*.

Nói *Trung* là nói cái lý cực thâm cực tốt. *Lý trung* phải có *Lý nhứt*. *Lý nhứt* mà nhà Phật gọi là *Trí* (Pháp là *Lý*, Phật là *Trí*). *Nhứt* là cái thể *Trung* được hiện xuất làm nguyên nhân cho cuộc tạo hóa sanh thành. Nói *Nhứt* cũng là nói *Trung*. *Trung Nhứt* đồng một thể trong hai trạng thái.

* *Về mặt tu thân* mà nói: Ngôi *Trung* này là cội của *tánh mạng*. Ở cảnh tiên thiên, *tánh mạng* chỉ có một, hiệp làm Ngôi *Trung* . Ở cảnh hậu thiên, ngôi *Trung* chia ra làm hai *Tánh* và *Mạng* . Nhìn vào giữa hai vòng tròn *Tánh Mạng* (âm dương) ở trên có chữ *Trung*, nghĩa là cần phải *Tánh Mạng* song tu để trở lại cội nguồn là ngôi *Trung*.

Vậy muốn trở về nguồn gốc xưa *Lý Tánh*, *Thiên Mạng* (phản bản hườn nguyên) thì phải tu *Tánh*, tu *Mạng*.

Tu Tánh nghĩa là trau sửa tâm *tánh* của mình cho nó trở lại lành phải như xưa. *Tánh* ta trước là *Chơn Như* trong sạch, mà vì bất giác động niệm, bị nhốt trong khuôn khổ vật chất, nên bị ô nhiễm thành ra vọng tâm. Nay *Tu* là phải đem *Chơn Như* mà xông ướp ngược lại vọng tâm, để đuổi hết các niệm tưởng bất

chánh, thì tự nhiên vọng tâm huờn lại Chơn Như. Phép tu này lấy ý thức làm căn bản. Nếu ý thức hết động niệm, nhìn rõ Nhứt Như, Nhứt Lý, thì tự nhiên tâm được tự tại, khỏi sanh tử luân hồi.

Tu Mạng là luyện Khí: mà trong Khí có ẩn cái Thiên Mạng, cái vi ý là *tánh tiên thiên*. Hễ khí trong sạch rồi, không còn ngăn trở sự phát biểu của tánh tiên thiên nữa, thì Tánh đó mới bắt đầu được giải thoát.

Điều đó cũng có nghĩa là nếu chỉ tu tánh thì chưa đủ, cần phải tu mạng để đạt đến thể Trung Hòa. Theo chánh pháp, tâm khí chẳng bao giờ rời nhau. Trước phải dùng tâm chế khí, sau lấy khí trị tâm. Nếu khí còn thô, thì tâm loạn động, dễ sanh các thứ tình dục. Vì có đó, phải luyện khí, rồi sau trở lại tu tánh, mới đặng hoàn toàn giải thoát.

Ban sơ, cái tâm vốn rộng rãi, sạch trong, do tri kiến mà thành biết. Bởi vọng trần sanh khởi, cho nên có vọng niệm. Nếu tri kiến không thấy, thì trí tánh chơn tịnh, huờn lại sạch trong, thấu suốt, tinh tường, ắt ý niệm tiêu. Ý niệm đã tiêu, từ sáu thức sắp xuống chẳng có cái nào chẳng tiêu luôn.

Nếu không có sáu thức, thì không còn giống luân-hồi, thì một điểm chơn tâm của ta độc lập, không còn chỗ nương dựa, rỗng không, minh mông, sáng rõ trong sạch, thì muôn kiếp hằng còn, đời đời hết sanh diệt.

Chỉ cần hay bồi dưỡng bốn nguyên (cội gốc của mình tức là cái tâm), quán chiếu cái khiêu ấy. Lâu rồi thì tâm mới mẻ, khí thông sướng, ngừng lại chẳng động, lặng trang chẳng tưởng, bỗng nhiên mở rộng biết cái *không*, rõ ràng hiểu cái *tánh*.

Tóm lại, trong công phu tu tánh có công phu tu mạng, hễ tu tánh rồi thì tu mạng cũng xong. Phật gọi là đốn giáo (đốn nghĩa là: lập tức, một lần là xong). Kỳ thiết, trong hậu thiên phản lại tiên thiên, tu tánh trọn rồi, mạng cũng ngưng tụ. Khi đó, Tánh mạng trở về cội, huờn lại ngôi Trung như xưa.

Đức Lữ Tổ nói rằng: “*Tu mạng bắt tu tánh, thử thị tu hành đệ nhứt bịnh. Tu tánh bắt tu mạng, vạn kiếp âm linh nan nhập thánh*”; Nghĩa là: Tu mạng mà không tu tánh, đó là cái bịnh thứ nhứt của người tu hành. Còn tu tánh mà chẳng tu mạng, thì muôn kiếp tánh vẫn còn thuộc âm, không vào được cõi Thánh.

Qua lời dạy trên của Đức Hưng Đạo Đại Vương có thể hiểu Trung Hòa là cội sanh của Tánh mạng. Có song tu tánh mạng, thì mới trọn thành công để trở về quê xưa vị cũ.



Kính thưa quý vị.

Phải nhờ có đại trí quán chiếu và hiểu biết Thật tánh (Chơn tâm), mới làm cho tiêu hết tà kiến, quên cả dục tình (vô-minh). Ngoài trí Bát nhã ra, không có gì trừ nổi Vô minh. Tỉ như trong một cái phòng đen tối, sức người không làm sao đuổi hết sự đen tối đó được. Ta chỉ đốt đèn lên, thì đen tối tan mất, khỏi cần phải dụng sức đuổi nó đi, mà nó vẫn đi nhanh chóng. Vì vậy, muôn quán chiếu thì phải phát tâm Bồ đề, phải tu thiền định, giữ chơn ý luôn hiện diện hầu dẹp trừ thất tình lục dục, các thứ tâm bất chánh, thì tâm Bát nhã mới hé mở.

3- Trí Trung Hòa soi sáng con đường phản bản hườn nguyên.

Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy: “*Lấy ý làm động cơ cho công cuộc hoàn nguyên. Ý chuyển thì A-lại-da và Mạt-na được vô lậu. Ý một niệm lành thì Mạt-na một niệm tịnh. Ý một niệm dữ thì Mạt-na một niệm nhiễm. Ý quan hệ thay ! Lấy đó mà hạ công quán chí.*”

Phản bản hườn nguyên là rời bỏ những gì là ảo hóa mê vọng của con người để trở về với bản chất tịnh toàn sáng láng đầy đủ tức là viên giác (theo Phật giáo). Đó là bản thể của con người, là Chơn Tâm chủ sử tất cả những sinh hoạt minh chánh nên còn gọi là Chủ Nhơn Ông. Thế nên các đạo gia chủ trương tu luyện sao cho “*phàm tâm thoái, chơn tâm tiến*”. Lão Quân nói : “*Ta từ vô lượng nhờ nhìn sâu vào Tâm mà tìm được Đạo*”.

Đức Thái Thượng nói: “*Tri nhân giả trí, tự tri giả minh*” (ĐĐK ch.33), nghĩa là: Kẻ biết người ta là trí (trí thức), tự mình biết mình là minh (trí huệ, tuệ trí). Lời dạy đó có ý nói con người có phản bản hườn nguyên được không là do nơi có thức tịnh (minh) được rằng :

- *Chính mình đang sống lệ thuộc với sự sai khiến của xác thân với những đòi hỏi của lục dục và dưới sự dung ruổi của phàm tâm với biến ảo của thất tình;*

- *Tự mình có một khả năng tiến hóa, tự mình có thể rèn luyện trở nên toàn thiện, toàn mỹ và hạnh phúc hoàn toàn nếu biết tự giải thoát khỏi lục dục thất tình nói trên;*

- *Tự giải thoát được rồi là về được với Thiên Tâm bản thể. Sống với Thiên Tâm bản thể thì hòa hợp được với Trời và có được năng lực siêu đẳng giúp ích cho muôn loài.*

Và các điều đó nói lên con đường phản bản hườn nguyên không ở đâu xa xôi cả mà nó ở ngay trong Tâm ta, nghĩa là khởi điểm và đích điểm của con người đều ở trong thân tâm ta.

Phật giáo nói: “*Tam giải duy thức, vạn sự duy tâm*”, nghĩa là: Ba cõi Trời là: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều do duy thức mà có, muôn sự muôn vật đều bởi tự tâm mà ra. Đạo giáo gọi cái tánh này là tánh hậu thiên, là nhơn tâm; Nho giáo gọi cái tánh này là tánh khí chất, là tánh khí bảm. Vì Lý tánh mát sáng suốt của nó trước kia, nên ta phải tu để hườn lại ngôi xưa của nó. Trong các Thánh ngôn, Tiên Phật có nói: Mỗi người đều có thể tự về ngôi xưa vị cũ, là nói trở về với cái Lý tánh trong trắng, sáng suốt đó.

Đức Lão Tử nói: “*Phản giả Đạo chi động*”, nghĩa là: Quay trở lại là cái lẽ Đạo động. Thuyết vô vi do đó mà ra. Hữu vi là đi ra, là đi tới mãi. Còn vô vi là trở về, là thói ngược lại. *Hữu vi pháp* là chỗ gọi dụng công hạ thủ bằng lục căn: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. *Vô vi pháp* là theo lý “chơn-không” và “diệu-hữu” để vào cửa Đạo. Ví như gương chiếu vật, có vật thì có hiện ra hình tướng, không vật thì gương vẫn trong sáng.

Vô vi là pháp không có hình tướng, không phải dùng lục căn là: mắt thấy, tai nghe, tay sờ đụng được, v.v ... Vì nó không có hình tướng nên mới đặng bền bỉ lâu dài, đời đời chẳng hư hoại. Hành động vô vi là diệt cái bản ngã, bỏ cái tư tâm (chỉ mong ích kỷ, làm lợi ích cho mình mà thôi, dầu có hại cho ai cũng mặc). Trái lại, hành động hữu vi là nuôi lớn cái bản ngã, đầy dẫy tham lam dục vọng, càng ngày càng đi xuống hố sâu, chưa chết thì chưa chịu thôi đâu!

Cho nên thanh tịnh vô vi là tôn chỉ của Đạo giáo. Người tu theo Đạo giáo luôn luôn phải giữ tâm lặng lẽ, trong sạch, trống không thì nó mới đặng sáng suốt, mà hiểu thấu Chơn lý. Cái tâm này Tiên gọi là Minh giác, Phật gọi là Bát Nhã, Nho gọi là Lương tri.

Tu vô vi là tu cái tâm này, cũng gọi là Đạo tâm, khác với cái phàm tâm của người đời, cũng gọi là Nhơn tâm. Đây là một trận giặc giữa Vọng Tâm và Lý Tánh, giữa lòng tham dục và lương tâm. Kinh Thư có nói: "*Nhơn tâm duy nguy, Đạo tâm duy vi*" nghĩa là: Nhơn tâm rất nguy hại, Đạo tâm rất tế vi; ý nói Vọng Tâm rất mạnh, còn Lý Tánh, lương tâm hãy còn yếu ớt, nhỏ nhít. Đủ thấy không phải dễ dầu gì mà yếu thắng mạnh nổi, phải hy sinh tất cả, một mất một còn với kẻ địch (vọng tâm), mới mong đặng giải thoát.

* Về mặt lý đạo mà nói: Phương tu của thanh tịnh vô vi là "*thấy Tánh*", nghĩa là phải lấy đạo tâm chế ngự nhơn tâm. Đạo tâm là cái tâm tạo hóa, Thiên địa chi tâm, là Tâm ở ngôi Trung huỳnh ngũ thập thổ. Còn nhơn tâm là tâm thức thần gá ở *nhục đoàn tâm*. Muốn phản lại tiên thiên thì phải lấy Đạo tâm để chế phục tất cả tà tâm.

Muốn phản hoàn thì phải lấy dương khắc âm. Lấy như thế nào, khắc làm sao, đó là một vấn đề mà mỗi hành giả cần phải tìm và tu học theo pháp môn tu của mỗi người. Tựu trung, cái đạo đối hậu thiên lại tiên thiên là trong âm ngũ hành phản hườn dương ngũ hành, trở lại *Một khí*. Trong đạo phản hườn đây, chẳng có chi mà trước hết không phản về chữ TÍN.

Đức Lão Tử nói : "*Hoảng vậy hốt vậy, trong đó có vật, yếu vậy minh vậy, trong đó có Tinh; Tinh này rất thiệt, trong đó có Tín*".

Chữ *Tín* này là Tín của Tiên thiên lai phục. Hễ Tín này trở lại thì tâm chẳng buồn mới sanh ra *Trí*. Trí có gốc tại Tín; Trí không vọng động, không còn tham cầu, tâm khí bất hòa, ắt vui mên việc phải thì có *Lễ*. Lễ có gốc tại Trí, hòa mà chẳng đồng, tránh những điều phi lễ, khí nóng tiêu hết, ắt chẳng giận mà sanh ra *Nghĩa*. Nghĩa có gốc tại Lễ; Nghĩa chẳng quá thiên vị, biết tòng quyền biến, noi theo quy cũ, ắt vui mên điều lành thì có *Nhân*. Nhân có gốc tại Nghĩa; Nhân chẳng quá nhu nhược, tột lành không chút ác, một lòng chẳng đối hai, ắt không tình dục thì có *Tín*. Tín có gốc tại Nhân. Tín mà đặng chánh, trở về ngôi mình, không động không lay.

Vậy mừng, giận, buồn, vui, đều quy về vô dục; Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí đều quy về một chữ Tín, thì *tứ tượng hòa hiệp*. Nhơn dục chẳng sanh, hườn nguyên phản bản (hườn lại Trung Nhút), quy căn phục mạng, giống y bản lai diện mục hời mới sanh vậy, nghĩa là chỉ có *Một Thiên Lý*.

Đã nói *Trung* là không hình không sắc, không tiếng không hơi; *Nhứt* là một không hai, không có cái gì ngoài cái Một. Nên đặt tâm an trụ ở chỗ Một, ở chỗ không, thì nhơn tâm có nguy, đạo tâm có vi cũng không phòng ngại. Nếu trụ tâm trong chỗ có sắc, có thanh, có hương, có vị, có xúc, có pháp thì còn có chỗ dựa, chỗ xin; mà phải trụ vào chỗ không trụ là chỗ nguyên nhứt chi đạo, nguyên lý chi tâm, thì tất cả bốn phương tám hướng được yên ngôi, nên Trung Dung mới nói: “*Trí Trung Hòa thiên địa vị yên, vạn vật dục yên*”.

* *Về mặt tu thân* mà nói: Một hào âm ở trong quẻ Li là *Nhơn tâm*; Một hào dương ở trong quẻ Khảm là *Đạo tâm*. *Đạo tâm* vốn là khí dương của nhà Kiền, vì giao với hậu thiên mà phải lọt vào cung Khôn, dương hãm trong âm, kiện mà hết kiện. *Nhơn tâm* vốn là khí âm của nhà Khôn, vì mất tiên thiên mà phải lọt vào cung Kiền, âm giành ngôi dương, thuận mà không thuận. Nếu ai hay giữ được trống lòng của mình (hư tâm) thì *Nhơn tâm* hóa; *Nhơn tâm* hóa thì âm thuận trở về cung Khôn như xưa, lửa (Li) quày lại tánh chơn của nó. Nếu ai hay giữ được đầy bụng của mình (thật phúc) thì *Đạo tâm* sanh, *Đạo tâm* sanh thì dương kiện trở về cung Kiền như xưa, nước (Khảm) quày về cội nguồn của nó.

Tóm lại, mọi việc do Ý cả. Song phải biết Ý là Chơn ý hay Vọng ý. Hễ Vọng ý thì vọng dục cũng theo ý mà dấy loạn.

Đức Bác Nhã Thiên Sư có dạy: “*Thiên ân đệ muội nhớ động cơ siêu đạo là ý. Ý là niệm, là đầu mối mọi sự Thánh phàm. Chủ được ý, ý được tịnh, được thuần, thì là thành Đạo.*”

Muốn trừ dục vọng, tham si đến cội rễ của nó, thì phải dẹp hết cái ta, cái bản ngã. Phàm còn cái ta, là còn có tánh phân biệt, còn có tánh so đo. Mà phân biệt, so đo ta còn thấy có hai. Nếu ta thấy cái này là không phải của ta, thì ta sanh lòng chán ghét, nghi kỵ. Còn nếu ta chỉ thấy có một, thì còn gì mà so đo? Nếu ta chỉ thấy ta với người có một, không phải khác nhau, ta như người mà người cũng như ta, thì các sự rắc rối chấm dứt ngay. Rồi tình hòa ái nhau, biết giúp đỡ nhau cũng bắt đầu từ đó. Hễ có tình hòa ái, giúp đỡ nhau, thì cảnh thái bình hiện ra trước mắt, cõi trần gian biến thành nước Cực lạc quốc của đức Phật A Di Đà.

Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy: “*Muốn tìm được “bản lai tự tánh”, không gì hơn chư hiền đệ hiền muội phải kiểm điểm lại chính mình để hiểu biết những gì trong hành động hoặc tư tưởng, do đâu mà có, có đó là Chơn tâm hay giả tâm. Nếu là Chơn tâm thì hành động hoặc tư tưởng sẽ được hướng về chỗ siêu đẳng, vượt qua khỏi chỗ vọng tâm mà đạt đạo. Bằng giả tâm thì hành động hoặc tư tưởng dầu có hay ho đến đâu rồi cũng là hư ảo cả; kết cuộc phải chịu hậu quả nghiệp lực triền miên.*

Muốn tìm thấy chơn tâm hoặc giả tâm, muốn phân biệt được hai thứ ấy, phải làm thế nào? Chư tịnh viên phải nhớ ba điều kiện là: AN - ĐỊNH - HUỆ.”



III- TẠM KẾT

Kính thưa Quý vị,

Qua phần luận giải khái quát nêu trên, có thể nói Trí Trung Hoà là yển sáng, là ngọn đèn soi cho mỗi hành giả trong thực hành công phu *phục khí hầu kết đơn* để đạt Đạo. Thực hiện được điều đó chỉ có con đường song tu tánh mạng làm cho Tâm Bác Nhã của mỗi chúng ta khai mở để phá được *vô minh* mà hườn *bổn giác*.

Đạo thì vô cùng, lời thì vô hạn. Thật ra việc luận giải trên đây chưa xứng làm sáng được huyền cơ của ba chữ TRÍ TRUNG HOÀ. Thế nên, xin mượn một vé thơ của Đức Hưng Đạo Đại Vương, dụng làm lời kết cùng chư vị rằng:

*Trời ở nơi lòng chẳng phải xa,
Khi mê ẩn khuất, **giác** bày ra.
Thanh thanh, tịnh tịnh, **trời** trong sáng,
Tịch chiếu thường luân, cảnh Thái **hòa**.*

Cầu và nguyện **Trí Trung Hòa** trong tu thân xử thế và phản bổn hườn nguyên.

Trước khi chấm dứt bài nói chuyện, chúng tôi xin hết lòng cảm tạ tất cả Quý Vị và các đạo hữu đã chú ý lắng nghe. Trước biển Đạo học mênh mông, chúng tôi đương nhiên không tránh được những thiếu sót, chúng tôi thành tâm xin quý vị cao minh chỉ dạy thêm.

Kính chúc Quý Vị hưởng được hồng ân của Thượng Đế, Tam Giáo Tổ Sư, được dồi dào sức khỏe, hanh thông mọi sự và thân tâm an lạc.

Rất lòng thành tín.

Đại Thái

Tài liệu tham khảo:

- Thánh Ngôn Minh Lý Thánh Hội
- Đạo Học Chỉ Nam
- Trung Dung chơn giải – Nguyễn Minh Thiện
- Đạo Đức Kinh giảng nghĩa – Nguyễn Minh Thiện
- Châu Dịch Xiển chơn – Nguyễn Minh Thiện *Việt dịch*
- Tuyển tập: Bài giảng của Ngài Minh Thiện.
- Tài liệu Sơ cơ - Minh Thiện